

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98 /2024/DS-PT
Ngày 20/3/2024

“Tranh chấp di sản thừa kế và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hồng Sơn;
Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng;
Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Hữu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 433/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh ND.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2453/2024/QĐPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn: Ông Phạm Viết H1, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: Số 58, PĐC, quận BĐ, thành phố HN.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị T1 - Văn phòng luật sư NT thuộc Đoàn luật sư thành phố HN (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Viết H1: Bà Trần Thị X - sinh năm 1962 (vắng mặt);

CCCD số: 0201622004800 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/8/2021.

II. Bi đơn: Ông Phạm Viết Đ1, sinh năm 1945 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã YT, huyện YY, tỉnh ND.

III. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị Đ2, sinh năm 1947 (vắng mặt);

Địa chỉ: Phòng 12B01 nhà E, khu đô thị Mulberrylane ML, quận HĐ, thành phố HN.

- Ông Phạm Viết H2, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 9, ngõ 93/23 đường HM, quận HM, HN.

- Ông Phạm Viết H3, sinh năm 1951 (có mặt);

- Bà Phạm Thị C, sinh năm 1960 (có mặt);

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953 (có mặt);

- Bà Đinh Thị M, sinh năm 1945 (vắng mặt);

- Anh Phạm Minh Đ3, sinh năm 1981 (có mặt);

- Chị Ngô Thị P, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn ĐC, xã YT, YY, tỉnh NĐ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Đ2, bà Phạm Thị C, bà Nguyễn Thị N: Ông Phạm Viết H3 (có mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị P: Anh Phạm Minh Đ3 (có mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị M: Ông Phạm Viết Đ1 (có mặt).

- Ủy ban nhân dân huyện YY, tỉnh NĐ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Sinh T2 - Chủ tịch UBND huyện YY, tỉnh NĐ(vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Sinh T2: Ông Trần Bình Đ4 - Phó chủ tịch UBND huyện YY, tỉnh NĐ (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại tòa án nguyên đơn là ông Phạm Viết H1 trình bày:

Bố ông là cụ Phạm Viết Đ5 chết năm 1999, mẹ ông là cụ Phạm Thị T3 chết năm 2002. Bố mẹ ông có 06 người con là ông Phạm Viết Đ1, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị Đ2, ông Phạm Viết H3, ông Phạm Viết H2 và ông Phạm Viết H1. Ngoài ra bố mẹ ông không có con nuôi hay con riêng.

Bố mẹ ông tạo lập được khối tài sản là mảnh đất thổ cư có diện tích 890m², mảnh đất này do ông Đ1 quản lý trông coi. Bố mẹ ông chết không để lại di chúc. Đầu năm 2022, ông về đề nghị và xin ý kiến các anh chị em trong gia đình cắt khoảng 60m² trên tổng diện tích 890m² đất thổ cư của bố mẹ để xây dựng nhà thờ tổ cho các con, cháu sinh sống ở mọi miền Tổ quốc hàng năm về thắp hương cho các cụ, tuy nhiên ông Đ1 không đồng ý. Khi tìm hiểu lý do thì được biết ông Đ1 đã giả mạo chữ ký của một số anh chị em, lừa dối chính quyền khi nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bằng một biên bản họp gia đình nhưng thực chất là không có cuộc họp gia đình nào, vì thành viên trong gia đình không hề hay biết gì, với mục đích để ông Đ1 hoàn tất thủ tục chuyển đổi 575,5m² đất trong giấy

CNQSDĐ mang tên cụ Phạm Viết Đ5 sang tên ông Phạm Viết Đ1. Giấy CNQSDĐ mang tên ông Phạm Viết Đ1 diện tích là 575,5m² tờ bản đồ số 11 thửa số 90 tại thôn ĐC, xã YT. Sau khi thấy ông Đ1 không có ý trả lại đất để ông xây dựng nhà thờ tổ thì ông có làm đơn đề nghị UBND xã YT giải quyết, khi UBND YT mời ông Đ1 để hòa giải nhưng ông Đ1 không lên. Ông Đ1 còn thách thức “đổ đũa nào vào lấy được một m² đất nào để xây nhà thờ”. Phần diện tích còn lại 314,6m² đã sang tên cho ông Phạm Viết H3 và vợ là Phạm Thị N. Sổ đỏ mang tên ông bà H3 - N có ký hiệu AH 041897 tại tờ bản đồ số 11 thửa đất số 102 tại địa chỉ thôn ĐC, xã YT, huyện YY, tỉnh ND. Tuy nhiên, vợ chồng ông H3 và bà N đã nhận thấy sai sót của mình và tự trả lại toàn bộ diện tích nêu trên để chia đều cho 6 anh chị em ruột trong gia đình là con đẻ của hai cụ Đ5 và cụ T3. Ông H1 đề nghị Tòa án chia thừa kế đối với toàn bộ khối di sản là 890m² đất tại thôn ĐC, xã YT, huyện YY, tỉnh ND do bố mẹ để lại cho 06 anh chị em theo quy định của pháp luật, đồng thời huỷ giấy CNQSDĐ cấp sai quy định cho ông Đ1 và ông H3. Ngày 22/8/2022, ông Phạm Viết Đ1 và bà Đinh Thị M có hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên cho vợ chồng anh Phạm Văn Đ3 và chị Ngô Thị P. Hiện nay thửa đất này đã được cấp CNQSDĐ cho anh Phạm Văn Đ3 và chị Ngô Thị P. Ông Đ1 và bà M tự ý cho anh Đ3, chị P đất là trái quy định của pháp luật. Vì vậy, ông H1 đề nghị tòa án huỷ giấy CNQSDĐ đã cấp cho anh Đ3, chị P.

2. Trong bản tự khai bị đơn là ông Phạm Viết Đ1 trình bày:

Bố ông là cụ ông Phạm Viết Đ5, chết năm 1999, cụ Phạm Thị T3, chết năm 2001, sinh được 06 anh chị em, cụ thể là ông Phạm Viết Đ1, sinh năm 1945; bà Phạm Thị Đ2, sinh năm 1947; ông Phạm Viết H3, sinh năm 1949; ông Phạm Viết H2, sinh năm 1954; ông Phạm Viết H1, sinh năm 1957; bà Phạm Thị C, sinh năm 1960.

Bố mẹ ông không có con nuôi cũng không có người con nào khác. Bố mẹ ông để lại 890m² đất tại thôn ĐC, xã YT, huyện YY, tỉnh ND. Trước khi chết bố mẹ ông không để lại di chúc.

Ông sinh ra và lớn nên trên mảnh đất cha ông. Ngày 02/7/1963 ông nhập ngũ. Tháng 02/1965 vào Nam chiến đấu, đến tháng 08/1974 vì điều kiện sức khỏe ông ra Bắc và chuyển ngành về trường Kỹ thuật vận tải đường sắt, năm 1989 nghỉ hưu, lúc này kinh tế khó khăn và ông đã được vợ chồng nhà ông H1 gọi lên làm ăn. Công việc tùy vào từng thời điểm. Từ năm 1993 đến 1996 do sức khỏe bố mẹ ông yếu nên ông đã về quê để chăm sóc bố mẹ cho đến khi bố mẹ ông qua đời. Các em thì ở xa thỉnh thoảng mới về thăm bố mẹ, không có em nào chăm sóc bố mẹ, vợ chồng ông vẫn vui vẻ, không nói năng gì về công việc vất vả đêm hôm mệt mỏi.

Khi còn sống bố mẹ ông đã chia cho ông H3 ở riêng trên phần diện tích đất 314,6m² tại khu vực bên cạnh phần đất bố mẹ ông đang ở cùng với vợ chồng ông. Còn 575,7m² bố ông nói “Thằng Đ1 là con trưởng đã lo cho hai em H2 và H1 thoát ly, đều có nhà cửa trên HN. Vậy bố giao cho con trưởng là Phạm Viết Đ1 quản lý hết phần đất trên. Có trách nhiệm hương khói thờ phụng tổ tiên ông bà”, bố ông chỉ nói miệng với nội dung như vậy chứ không có văn bản giấy tờ gì, nhưng tất cả các anh em trong gia đình đều đồng ý và đến năm 2007 nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông. Năm 2012 ông H2 và H1 nói “Anh chị có

công nuôi dưỡng chăm sóc bố mẹ nên hai em đã nhất trí và tự nguyện giao lại 02 phần đất của hai em cho anh cả là ông được quyền quản lý và sử dụng (có giấy tờ kèm theo)’’.

Kể từ năm 1976 đến nay vợ chồng ông sống chung với bố mẹ trên mảnh đất này đến khi bố mẹ ông qua đời và đến bây giờ.

Không hiểu tại sao đến tháng 07/2022, vợ chồng ông H1 và bà X về đòi đất để xây nhà thờ riêng. Ông có bàn bạc với các em là xây nhà thờ chung cho đoàn kết, anh em tự nguyện đóng góp xây nhà thờ. Tất cả anh em đều có quyền hương khói thờ phụng ông bà tổ tiên. Sau khi xây xong thì mỗi người sẽ có 01 chia khóa riêng để thờ cúng, và có nội quy rõ ràng để con cháu thực hiện. Việc xây dựng nhà thờ như thế nào thì anh em phải cùng bàn bạc và thống nhất. Nhưng vợ chồng ông H1 không đồng ý với ý kiến của ông mà đòi làm nhà thờ riêng và xây vít cổng nhà ông. Vì đây là vấn đề tâm linh, năm 1995 bố ông đã chỉ cho ông làm nhà tại địa điểm này (tức là nhà hiện tại gia đình ông đang ở) và bố ông đã xem phong thủy về hướng nhà, hướng cổng. Cho nên ông không thể chấp nhận phương án bịt cổng và phá nhà.

Sau đó, vợ ông H1 vẫn không đồng ý với ý kiến của ông, lại ép ông phải đồng ý với phương án làm nhà thờ riêng của vợ chồng ông H1. Ông vẫn không đồng ý và vợ chồng ông H1 quát tháo, dọa nạt âm ỉ, và khủng bố về tinh thần ông. Do vậy mà sức khỏe ông bị suy sụp, hoảng loạn ảnh hưởng đến cuộc sống. Cho nên hiện tại ông không thể đến tòa án để làm việc theo giấy triệu tập của tòa án được.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H1 là chia thừa kế theo pháp luật đối với toàn bộ khối di sản là 890m² đất tại thôn ĐC, xã YT, huyện YY, tỉnh ND do ông Đ5 và bà T3 để lại. Vì bố mẹ ông đã chia cho ông H3 314,6m² đất bên cạnh, đã có sổ đỏ riêng. Năm 1986 ông H3 đã làm nhà và sinh con. Còn lại 575,7m² là của 3 anh em là Đ1, H1 và H2. Đến năm 1995 bố mẹ ông chỉ đất cho ông làm nhà, tất cả anh em đều đồng ý vui vẻ, không thắc mắc gì. Đến năm 2012, ông H2 và ông H1 ở HN, có nhà cửa đàng hoàng, nên làm giấy tự nguyện cho ông được toàn quyền quản lý và sử dụng lâu dài vĩnh viễn và có trách nhiệm hương khói phụng thờ tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Ông không đồng ý hủy giấy chứng nhận của ông.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Ông Phạm Viết H3 và bà Phạm Thị C đồng ý với nội dung khởi kiện của ông Phạm Viết H1, bà Phạm Thị Đ2, bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị N có văn bản ủy quyền cho ông Phạm Viết H3 giải quyết vụ án. Bà C tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế của bà được hưởng cho ông Phạm Viết H1.

3.2. Anh Phạm Minh Đ3, chị Ngô Thị P không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án.

3.3. Ông Phạm Viết H2 có ý kiến: Bố mẹ ông có 6 người con là ông Phạm Viết Đ1, bà Phạm Thị Đ2, ông Phạm Viết H3, ông Phạm Viết H1, bà Phạm Thị C và ông.

Khi còn sống bố mẹ ông có sống trên mảnh đất cha ông để lại rộng 890m² tại thôn ĐC, xã YT, huyện YY, tỉnh ND. Bố mẹ ông đã chia cho ông H3 314,3m², và

ông Đ1 575,7m². Khi chia đất cho ông H3 và ông Đ1 mọi người con đều biết. Ông Đ1, ông H3 sử dụng ổn định từ đó, sau khi bố mẹ ông chết đến nay không xảy ra tranh chấp giữa các anh em. Ông Đ1 và ông H3 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại ông Đ1 đã sang tên cho vợ chồng con trai là Phạm Minh Đ3 và Ngô Thị P.

Ông Đ1 ở cùng với bố mẹ, có công chăm sóc và nuôi dưỡng bố mẹ khi về già. Để tránh anh em tranh chấp về sau, năm 2012 ông và ông H1 đã tự nguyện viết giấy chuyển nhượng phần đất thừa kế của bố mẹ cho ông Đ1. Việc làm trên có xác nhận của UBND xã YT. Nay ông H1 khởi kiện chia thừa kế là không hợp tình hợp lý, gây mất đoàn kết gia đình.

Ông đề nghị tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông H1, đề nghị Tòa án công nhận diện tích đất 575m² ông Đ1 và gia đình đang sử dụng là thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Đ1, diện tích 314,6m² của ông H3 sử dụng thuộc quyền sử dụng của ông H3 và không phân chia gì. Giữ nguyên hiện trạng như bây giờ.

Nếu trong trường hợp phải chia di sản thừa kế của bố mẹ, ông đề nghị: Tòa án xem xét việc ông và ông H1 đã có đơn chuyển nhượng đất đề nghị tòa án công nhận đơn này và chia kỹ phần thừa kế của ông và ông H1 cho ông Đ1 như trong giấy đề nghị. Ông vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn chuyển nhượng đất năm 2012 là kỹ phần thừa kế của ông sẽ nhận hiện vật là đất và tặng cho ông Đ1. Đối với ông H1 đã có đơn chuyển nhượng như ông nên ông H1 cũng phải thực hiện nội dung trong văn bản đã ký, không thể có chuyện đồng ý chuyển nhượng rồi đòi lại; Ông Đ1 có công sức quản lý, giữ gìn tài sản, thờ cúng tổ tiên, chăm sóc nuôi dưỡng bố mẹ khi về già nên đề nghị tòa án xem xét để ông Đ1 được hưởng phần công sức này; Hiện tại gia đình ông Đ1 đang sinh sống ổn định trên diện tích 575m² các người khác đều có nơi cư trú ổn định, ông Đ1 là con trưởng thờ cúng tổ tiên, tuổi đã cao nên đề nghị nếu chia thì chia cho ông Đ1 bằng hiện vật và ở nguyên trên diện tích đất này tránh ảnh hưởng đến tâm linh cũng như không làm xáo trộn cuộc sống; Đối với hộ ông H3 đang sống ổn định tôi cũng đề nghị giữ nguyên hiện trạng.

3.4. Ủy ban nhân dân huyện YY có ý kiến: Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Kết quả thu thập chứng cứ

Kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ tại UBND xã YT:

Theo hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính xã YT lập năm 1985 thửa đất đang có tranh chấp là thửa số 43 tờ bản đồ số 9 có diện tích 870m² mang tên ông Phạm Viết Đ5. Có tứ cận cụ thể:

Phía Đông giáp nhà ông Đ6, ông Q

Phía Tây giáp đất ông S

Phía Nam giáp đất ông Đ7, ông T4, ông T5

Phía Bắc giáp đường

Năm 2004 đo đạc hiện trạng bản đồ, chủ sử dụng đất tại thời điểm này mang tên ông Phạm Viết H3 với diện tích 314,6 m² tại thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11; mang tên ông Phạm Viết Đ1 với diện tích 575,7 m² tại thửa đất số 90 tờ bản đồ số 11. Hiện tại cả ông H3 và ông Đ1 đều đã được UBND huyện YY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất này.

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có biên bản thống nhất thỏa thuận quyền sử dụng đất của ông Phạm Viết Đ5, trong đó có chữ ký của ông Đ1, ông H3, ông H2, ông H1 và có xác nhận của UBND xã YT, còn lại hai người con gái không ký.

Ngày 28/8/2022 ông Phạm Viết Đ1 và bà Đinh Thị M có hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất cho vợ chồng con trai là anh Phạm Minh Đ3 và chị Ngô Thị P và anh Đ3, chị P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ:

Thửa đất số 90 tờ bản đồ số 11 có tứ cận: Phía Đông (Đông bắc) giáp nhà ông Hạnh, dài 22,01 m; giáp đất ông P dài 12,72m. Phía Tây (Tây nam) giáp đất ông Thu, dài 11,96m; giáp đất ông H3 dài 20,68m. Phía Nam (Đông nam) giáp đất ông Thung, dài 11,52m; giáp đất ông Thu dài 3,47m. Phía Bắc (Tây bắc) giáp đường đi, dài 19,66m.

Thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11 có tứ cận: Phía Đông (Đông bắc) giáp nhà ông Đ1, dài 22,68 m (12,72m+7,96m). Phía Tây (Tây nam) giáp đất ông Thắng dài 2,14m+1,58m+18,61m. Phía Nam (Đông nam) giáp đất ông Hạnh, dài 15,44m; giáp đất ông Dương dài 0,21m+1,98m. Phía Bắc (Tây bắc) giáp đường đi, dài 13,56m.

Và một số công trình xây dựng trên đất được mô tả chi tiết trong biên bản thẩm định tại chỗ.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày luận cứ bảo vệ của mình, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Phạm Viết Đ1, bà Đinh Thị M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên hiện trạng tài sản đang tranh chấp, giữ nguyên quan điểm cho tặng quyền sử dụng đất cho anh Đ3 và chị P.

Ông Phạm Viết H3 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phạm Thị C tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế của bà được hưởng cho ông Phạm Viết H1.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh ND đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3, khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; mục 2-II Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 02/4/2019 của TANDTC; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Viết H1 yêu cầu tranh chấp về thừa kế tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 641897 ngày 20/5/2007 của Ủy ban nhân dân huyện YY tên người sử dụng đất là hộ ông Phạm Viết H3 (Đối với thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11 tại xóm ĐC, xã YT, huyện YY, tỉnh ND); kiến nghị Sở tài nguyên và môi trường tỉnh ND thu hồi GCNQSD đất số CY 917920 ngày 15/9/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh ND tên người sử dụng đất là anh Phạm Minh Đ3 và chị Ngô Thị P (Đối với thửa đất số 90 tờ bản đồ số 11 tại xóm ĐC, xã YT, huyện YY, tỉnh ND).

3. Chia di sản thừa kế của cụ Phạm Viết Đ5 và cụ Phạm Thị T3:

3.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Phạm Viết Đ5 và cụ Phạm Thị T3: Là diện tích là 575,5m² tại thửa số 90 tờ bản đồ số 11 và 314,6m² thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11 tại địa chỉ thôn ĐC, xã YT, huyện YY, tỉnh ND. Trong đó có 497m² đất thổ cư có giá 596.400.000 đồng, có 393,3 m² đất trồng cây lâu năm có giá 29.497.500 đồng. Trên đất không còn công trình xây dựng và tài sản gì của cụ Đ5 và cụ T3 còn giá trị.

3.2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Viết H2 tự nguyện không nhận di sản thừa kế của bố mẹ để lại mà để lại phần di sản của mình cho ông Đ1 và ông H3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị C tặng phần kỷ phần được hưởng thừa kế cho ông Phạm Viết H1. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Viết Đ1 tặng phần kỷ phần được hưởng thừa kế cho anh Phạm Minh Đ3 và chị Ngô Thị P.

3.3. Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Phạm Viết Đ5 và cụ Phạm Thị T3:

Chia cho ông Phạm Viết Đ1 155,3m² đất thổ cư và 122,9 m² đất vườn trị giá 195.577.500 đồng, vị trí phía Đông Bắc giáp đất ông H4 và ông P dài 34,72m; phía Tây Nam giáp đất ông H1 dài 35,75m; phía Đông Nam giáp đất ông T2 dài 6,44m; phía Tây Bắc giáp đường dài 9,81m. Chia cho ông Phạm Viết H1 124,27m² đất thổ cư và 184,5m² đất vườn trị giá 163.477.500 đồng, vị trí phía Đông Bắc giáp đất ông Đ1 dài 35,75m; phía Tây Nam giáp đất bà Đ2 dài 21,43m, giáp đất ông H5 dài 11,96m; phía Đông Nam giáp đất ông T2 dài 8,55m, giáp đất ông H5 dài 1,8m; phía Tây Bắc giáp đường dài 11,03m. Chia cho ông Phạm Viết H3 155,3m² đất thổ cư và 85,9m² đất vườn trị giá 192.802.500 đồng, vị trí phía Đông Bắc giáp đất bà Đ2 dài 21,31m; phía Tây Nam giáp đất ông D dài 22,33m; phía Đông Nam giáp đất ông H5 dài 8,96m, giáp đất ông Minh dài 5,34; phía Tây Bắc giáp đường dài 10,25m. Chia cho Phạm Thị Đ2 62,13 m² đất thổ cư trị giá 74.556.000 đồng, vị trí phía Đông Bắc giáp đất ông H1 dài 21,43m; phía Tây Nam giáp đất ông H3 dài 21,31m; phía Đông Nam giáp đất ông Hạnh dài 2,91m; phía Tây Bắc giáp đường dài 2,91m.

Toàn bộ diện tích đất ông Phạm Viết Đ1 được hưởng sẽ được chuyển cho anh Phạm Minh Đ3 và chị Ngô Thị P.

(Có sơ đồ kèm theo).

Ông Phạm Viết H1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Viết H3 đối với phần diện tích đất vườn là 37m² tương ứng với số tiền 2.775.000 đồng; thanh toán cho bà Phạm Thị Đ2 đối với phần diện tích đất vườn là 49,16m² tương ứng với số tiền 3.687.000 đồng.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3.4. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của tòa án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2023, ông Phạm Viết Đ1 kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Ngày 22/9/2023, ông Phạm Viết H2 kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 25/9/2023, bà Đinh Thị M kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 13/9/2023, anh Phạm Minh Đ3 kháng cáo bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Tất cả các đương sự trong vụ án đều thừa nhận thống nhất về nguồn gốc đất là của vợ chồng cụ Phạm Viết Đ5, cụ Phạm Thị T3 để lại; thống nhất các cụ có 06 người con chung gồm ông Phạm Viết Đ1, bà Phạm Thị Đ2, ông Phạm Viết H3, ông Phạm Viết H2, ông Phạm Viết H1 và bà Phạm Thị C, ngoài ra không còn người con chung, riêng nào khác; thống nhất cụ Phạm Viết Đ5 chết ngày 02/11/1999, cụ Phạm Thị T3 chết ngày 17/10/2002, khi chết các cụ đều không để lại di chúc. Do đó, các vấn đề nêu trên trong vụ án đã được các đương sự thống nhất thừa nhận nên được xem là chứng cứ và không cần phải chứng minh.

- Ông Phạm Viết Đ1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị M có quan điểm như sau: Không đồng ý chia thừa kế vì ông cho rằng khi còn sống thì bố, mẹ ông đã cho ông thừa đất này; Nhà nước cũng đã thừa nhận và cấp GCNQSDĐ cho ông, sau đó năm 2022 ông đã tặng cho con trai là anh Phạm Minh Đ3 và anh Đ3 cũng đã được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất này. Ngoài ra, tờ giấy viết năm 2012 do ông H1 và ông H2 ký cũng thể hiện các ông H1, H2 đã cho ông thừa đất của bố, mẹ để lại.

- Ông Phạm Viết H2 đề nghị Tòa án xem xét việc ông cho kỷ phần của mình được hưởng cho ông Đ1 chứ không cho ông H3, Tòa án cấp sơ thẩm chia kỷ phần của ông được hưởng cho ông H3 ½ là sai; đề nghị chấp nhận kháng cáo.

- Anh Phạm Minh Đ3 cho rằng quyền sử dụng đất của anh là hợp pháp vì đã được cấp GCNQSDĐ, Tòa án cấp sơ thẩm hủy GCNQSDĐ tên anh là sai.

- Ông Phạm Viết H1 cho rằng đất là của bố, mẹ để lại nên phải chia di sản thừa kế như cấp sơ thẩm chia là có căn cứ; năm 2007, ông Đ1 đã đứng tên trên GCNQSDĐ, tại phiên tòa ông Đ1 cho rằng ông không thực hiện việc này, tại sao lại có GCNQSDĐ tên ông thì ông hoàn toàn không biết, giấy hợp gia đình đã được giám định là giả chữ ký của ông do đâu mà có thì ông Đ1 cũng hoàn toàn không làm và không biết việc này. Do đó, văn bản năm 2012 kể cả là đúng chữ ký của ông theo kết quả giám định thì cũng không có giá trị, hết thời hiệu từ chối nhận di sản thừa kế, nay ông có quyền thay đổi quan điểm không đồng ý cho ông Đ1 di sản thừa kế mà ông được hưởng. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Các bên đương sự đều thừa nhận đất là do bố, mẹ để lại; cụ Đ5, cụ T3 chết đều không để lại di chúc. Văn bản ông H1 ký năm 2012 là sau nhiều năm ông Đ1 làm thủ tục cấp GCNQSDĐ và văn bản ông H1 ký với ông Đ1 chưa được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền; kết quả giám định chữ ký trong hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ cho ông Phạm Viết Đ1 được xác định là giả nên việc cấp GCNQSDĐ tên ông Đ1 là không đúng quy định; trong quá trình đang tranh chấp nhưng ông Đ1 ký sang tên thửa đất cho con trai nhưng chính quyền vẫn thực hiện việc này là hoàn toàn sai. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo.

- Ông Phạm Viết H3 có ý kiến là không nhận tài sản do ông H2 cho và không có ý kiến nào khác. Đề nghị bác kháng cáo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hợp lệ, trong thời hạn nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung: Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận thống nhất về nguồn gốc đất là của vợ chồng cụ Phạm Viết Đ5, cụ Phạm Thị T3 để lại; thống nhất các cụ có 06 người con chung gồm ông Phạm Viết Đ1, bà Phạm Thị Đ2, ông Phạm Viết H3, ông Phạm Viết H2, ông Phạm Viết H1 và bà Phạm Thị C, ngoài ra không còn người con chung, riêng nào khác; thống nhất cụ Phạm Viết Đ5 chết ngày 02/11/1999, cụ Phạm Thị T3 chết ngày 17/10/2002, khi chết các cụ đều không để lại di chúc. Do đó, xác định những người được thừa kế theo pháp luật gồm: Ông Phạm Viết Đ1, bà Phạm Thị Đ2, ông Phạm Viết H3, ông Phạm Viết H2, ông Phạm Viết H1 và bà Phạm Thị C.

Toàn bộ các chứng cứ hợp pháp có trong hồ sơ, được các đương sự thống nhất thừa nhận về quan hệ huyết thống trong gia đình, diện và hàng thừa kế cũng như thời điểm cụ Đ5, cụ T3 chết như xác định nêu trên là đúng; thừa nhận diện tích đất các cụ để lại chưa chia. Tại phiên tòa hôm nay, tuy phía bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho quan điểm kháng cáo của mình, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều đã được cấp sơ thẩm xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đ1, bà M, anh Đ3; chấp nhận kháng cáo

của ông H2 về việc cho ông Đ1 toàn bộ kỷ phần của mình được hưởng. Tuy nhiên, do đất đã được chia các đương sự đang sử dụng ổn định, ông H2 không có nhu cầu về sử dụng đất nên cần buộc ông H3 phải thanh toán cho giá trị phần được hưởng của ông H2 để thanh toán cho ông Đ1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Luật sư và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện vụ án đề nghị chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại và hủy GCNQSDĐ. Hiện nay thửa đất ông Đ1 đang sử dụng đã được tặng cho anh Đ3, chị P, anh Đ3 và chị P đã được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất này. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết các yêu cầu của nguyên đơn trong cùng một vụ án và xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về thừa kế tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tranh chấp hợp đồng tặng cho QSD đất” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 41, khoản 3, 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 4 Điều 34, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh ND.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Phạm Viết Đ5 chết ngày 02/11/1999, cụ Phạm Thị T3 chết ngày 17/10/2002 (ông Đ1 cho rằng chết năm 2003). Theo quy định tại Điều 611, 623 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, vụ án được giải quyết trong thời hiệu khởi kiện.

[4]. Xác định di sản thừa kế: Di sản thừa kế của cụ Phạm Viết Đ5 và cụ Phạm Thị T3 là diện tích là 575,5m² tại thửa số 90, tờ bản đồ số 11 và 314,6m² thửa đất số 102, tờ bản đồ số 11 tại địa chỉ thôn ĐC, xã YT, huyện YY, tỉnh ND. Trong đó có 497m² đất thổ cư có giá 596.400.000 đồng, có 393,3 m² đất trồng cây lâu năm có giá 29.497.500 đồng. Trên đất không còn công trình xây dựng và tài sản gì của cụ Đ5 và cụ T3 còn giá trị.

[5]. Về thời điểm mở thừa kế cụ Phạm Viết Đ5 chết ngày 02/11/1999, thời điểm mở thừa kế của cụ Đ5 là ngày 02/11/1999. Cụ Phạm Thị T3 chết ngày 17/10/2002, thời điểm mở thừa kế của cụ T3 là ngày 17/10/2002.

[6]. Về diện và hàng thừa kế: Cụ Phạm Viết Đ5 và Phạm Thị T3 chết không để lại di chúc nên các con của hai cụ là ông Phạm Viết Đ1, bà Phạm Thị Đ2, ông Phạm Viết H3, ông Phạm Viết H2, ông Phạm Viết H1, bà Phạm Thị C là hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ.

[7]. Xét biên bản thống nhất thỏa thuận quyền sử dụng đất của cụ Phạm Viết Đ5 để lại: Hai văn bản này không có chữ ký của 02 người con gái của cụ Đ5, cụ T3 là bà Phạm Thị Đ2 và bà Phạm Thị C là không đúng quy định của pháp luật. Hơn nữa bản thân ông H1 và ông H3 có ý kiến là hai ông không ký vào văn bản. Kết luận giám định số 1119/KL-KTHS ngày 18/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh ND kết luận về đối tượng giám định: Chữ “H1, Phạm Viết H1” dưới

mục “Các thành viên trong gia đình” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1, A2) so với chữ viết đứng tên Phạm Viết H1 trên mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M4) không phải do cùng một người viết ra. Do vậy, hai văn bản này không đúng quy định của pháp luật. Có dấu hiệu giả mạo chữ ký, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[8]. Xét bản sao văn bản ngày 11/6/2012 do ông Đ1 cung cấp: Quá trình giải quyết vụ án ông H1 không công nhận văn bản này và đề nghị giám định chữ ký của ông trong biên bản, Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo cho ông Đ1 yêu cầu ông Đ1 cung cấp bản gốc nhưng ông Đ1 cố tình không cung cấp. Tại cấp phúc thẩm, ông Đ1 cung cấp văn bản gốc và đề nghị giám định; tại Kết luận giám định số 473/KL-KTHS ngày 19/02/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh ND kết luận chữ ký trong văn bản ký chữ H1 với mẫu so sánh là do cùng một người ký. Tuy nhiên, thấy trong trường hợp văn bản là có thật thì ông H1, ông H3 cũng không có quyền tự quyết định tài sản của bố mẹ để lại; hơn nữa nếu coi văn bản đó là ý kiến từ chối nhận di sản thì theo quy định tại khoản 3 Điều 642 Bộ luật dân sự 2005 thì cũng đã hết thời hạn để từ chối nhận di sản. Đồng thời, như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu tại phiên tòa cho rằng văn bản nêu trên chưa được sử dụng để đăng ký biến động đất đai, GCNQSDĐ tên ông Đ1 được cấp từ năm 2007 nên văn bản này chưa làm phát sinh bất cứ sự kiện pháp lý nào.

[9]. Xét yêu cầu chia thừa kế di sản: Do người để lại di sản chết không để lại di chúc nên yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn được chấp nhận.

[10]. Xét việc ông Phạm Viết Đ1 và bà Đinh Thị M cho tặng đất: Ngày 28/8/2022, ông Đ1 và bà M có hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất cho vợ chồng con trai là anh Phạm Minh Đ3 và chị Ngô Thị P. Anh Đ3 và chị P đã được cấp GCNQSDĐ ngày 15/9/2022. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ1, bà M, anh Đ3 và chị P không đến Tòa án cấp sơ thẩm để làm việc, nên cũng không có ý kiến về việc cho tặng quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định, và đảm bảo rằng ông Đ1, bà M, anh Đ3, chị P hoàn toàn biết về nội dung vụ án nhưng không có ý kiến phản đối. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ1 và bà M vẫn giữ nguyên quan điểm cho tặng quyền sử dụng đất cho anh Đ3 và chị P. Do vậy, kỷ phần thừa kế di sản của ông Đ1 được hưởng sẽ được chuyển cho vợ chồng anh Đ3 và chị P.

[11]. Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Vì ông H3 và ông Đ1 được cấp GCNQSDĐ là di sản của cha mẹ để lại không có sự đồng ý của tất cả các đồng thừa kế là trái quy định của pháp luật. Nên yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy GCNQSDĐ của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận. Theo mục 2-II Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 02/4/2019 của TANDTC kiến nghị Sở tài nguyên và môi trường tỉnh ND thu hồi GCNQSDĐ số CY 917920 ngày 15/9/2022 đã cấp cho anh Đ3 và chị P.

[12]. Xét ý kiến của ông Phạm Viết H2:

Xét nội dung ý kiến của ông Phạm Viết H2 gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm, thấy ông H2 đã hoàn toàn tự nguyện cho tặng phần đất phần đất ông được hưởng thừa kế từ bố mẹ cho ông Đ1 bằng văn bản thỏa thuận năm 2012. Ông có quan điểm là bố

mẹ ông đã chia đất cho ông Đ1 và ông H3 nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông H1, đề nghị Tòa án công nhận diện tích đất 575,7m² ông Đ1 và gia đình đang sử dụng là thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Đ1, diện tích 314,6m² của ông H3 sử dụng thuộc quyền sử dụng của ông H3 và không phân chia gì. Giữ nguyên hiện trạng như bây giờ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông H2 đã tự nguyện không nhận di sản thừa kế của bố mẹ để lại và tự nguyện để lại cho ông Đ1 và ông H3.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H2 có ý kiến cho kỷ phần của mình được hưởng cho ông Đ1 chứ không cho ông H3; về quan điểm này Hội đồng xét xử đánh giá ông H2 được quyền thay đổi quan điểm, nhưng do bản án sơ thẩm đã chia hiện vật cho các đương sự ổn định, bản thân ông H2 không có nhu cầu sử dụng hiện vật nên chấp nhận quan điểm của ông H2 nhưng chia bằng giá trị; theo bản án sơ thẩm, ông H3 và ông Đ1 được nhận mỗi người $\frac{1}{2}$ kỷ phần của ông H2 (1 kỷ phần là 78.237.287 đồng), nay ông H2 cho ông Đ1 toàn bộ kỷ phần ông H2 được hưởng, ông H3 cũng không đồng ý nhận phần ông H2 tặng cho; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận phần kháng cáo này của ông H2 và buộc ông H3 phải thanh toán giá trị của $\frac{1}{2}$ kỷ phần cho ông Đ1 là 39.118.593 đồng.

[13]. Về phân chia di sản thừa kế: Từ những phân tích nêu trên, HĐXX thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu chia di sản của cụ Đ5 và cụ T3. Khi phân chia khối di sản này cũng cần phải xem xét đến công sức giữ gìn, tu bổ, bảo quản đất cũng như nghĩa vụ về thuế đất đối với ông Đ1 và ông H3. Chia cho ông H3 và ông Đ1 mỗi người thêm một kỷ phần. Cụ thể, chia di sản thành 8 phần bằng nhau, mỗi người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ5, cụ T3 được một kỷ phần, riêng ông Đ1 và ông H3 được hai kỷ phần. Ngoài ra, ông Đ1 còn được nhận 1 kỷ phần do ông H2 cho nên ông Đ1 được nhận 2,5 kỷ phần là hiện vật và 0,5 kỷ phần bằng giá trị do ông H3 thanh toán. Ông H1 được một kỷ phần do bà C cho nên được 02 kỷ phần.

Căn cứ vào hiện trạng thừa đất, sẽ chia cho những người được hưởng bằng diện tích đất, diện tích đất mỗi người được hưởng sẽ được phân chia theo hiện trạng thừa đất và giá trị khai thác sử dụng thừa đất phù hợp. Người được hưởng diện tích đất thực tế nhiều hơn kỷ phần nêu trên sẽ phải trả phần giá trị chênh lệch cho bên được chia diện tích đất ít hơn. Phần diện tích đất cụ thể mà ông Đ1, ông H3, ông H1 và bà Đ2 được chia được mô tả chi tiết trên sơ đồ kèm theo bản án.

Kỷ phần di sản ông Đ1 được hưởng sẽ được chuyển cho anh Đ3 và chị P.

[14]. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm vợ chồng ông Đ1 và vợ chồng anh Đ3 không hợp tác với tòa án để giải quyết vụ án. Do vậy, vợ chồng ông Đ1 và vợ chồng anh Đ3 phải chịu hậu quả pháp lý về việc này. Đối với các cây cối và các tài sản khác của ông Đ1 và ông H3 hiện có trên đất thì ông Đ1 và ông H3 có trách nhiệm chuyển đi để bàn giao mặt bằng cho những người được chia thừa kế sử dụng.

Từ những phân tích nêu trên và tại phiên tòa hôm nay thấy bị đơn, những người có quyền, nghĩa vụ liên quan tuy có kháng cáo nhưng đều không xuất trình thêm được bất cứ chứng cứ mới nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận. Quan điểm của đại

diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa là đúng pháp luật được chấp nhận. Tuy bị đơn, những người có quyền, nghĩa vụ liên quan kháng cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận nhưng do những người này là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm; anh Đ3 phải nộp án phí theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Viết Đ1, bà Đinh Thị M và anh Phạm Minh Đ3.

- Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Viết H2.

Sửa một phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm 34/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh ND. Cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Viết H1 yêu cầu tranh chấp về thừa kế tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 641897 ngày 20/5/2007 của Ủy ban nhân dân huyện YY tên người sử dụng đất là hộ ông Phạm Viết H3 (đối với thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11 tại xóm ĐC, xã YT, huyện YY, tỉnh ND); kiến nghị Sở tài nguyên và môi trường tỉnh ND thu hồi GCNQSDĐ số CY 917920 ngày 15/9/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh ND tên người sử dụng đất là anh Phạm Minh Đ3 và chị Ngô Thị P (đối với thửa đất số 90 tờ bản đồ số 11 tại xóm ĐC, xã YT, huyện YY, tỉnh ND).

3. Chia di sản thừa kế của cụ Phạm Viết Đ5 và cụ Phạm Thị T3:

3.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Phạm Viết Đ5 và cụ Phạm Thị T3: Là diện tích là 575,5m² tại thửa số 90 tờ bản đồ số 11 và 314,6m² thửa đất số 102 tờ bản đồ số 11 tại địa chỉ thôn ĐC, xã YT, huyện YY, tỉnh ND. Trong đó có 497m² đất thổ cư có giá trị 596.400.000 đồng, có 393,3 m² đất trồng cây lâu năm có giá trị 29.497.500 đồng. Trên đất không còn công trình xây dựng và tài sản của cụ Đ5 và cụ T3 còn giá trị.

3.2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Viết H2 tự nguyện không nhận di sản thừa kế của bố mẹ để lại mà cho phần di sản của mình cho ông Đ1. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị C tặng phần kỷ phần được hưởng thừa kế cho ông Phạm Viết H1. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Viết Đ1 tặng phần kỷ phần được hưởng thừa kế cho anh Phạm Minh Đ3 và chị Ngô Thị P.

3.3. Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Phạm Viết Đ5 và cụ Phạm Thị T3:

Chia cho ông Phạm Viết Đ1 155,3m² đất thổ cư và 122,9 m² đất vườn trị giá 195.577.500 đồng, vị trí phía Đông Bắc giáp đất ông Hanh và ông P dài 34,72m; phía Tây Nam giáp đất ông H1 dài 35,75m; phía Đông Nam giáp đất ông T2 dài 6,44m; phía Tây Bắc giáp đường dài 9,81m. Chia cho ông Phạm Viết H1 124,27m² đất thổ cư và 184,5m² đất vườn trị giá 163.477.500 đồng, vị trí phía Đông Bắc giáp đất ông Đ1 dài 35,75m; phía Tây Nam giáp đất bà Đ2 dài 21,43m, giáp đất ông Hanh dài 11,96m; phía Đông Nam giáp đất ông T2 dài 8,55m, giáp đất ông Hanh dài 1,8m; phía Tây Bắc giáp đường dài 11,03m. Chia cho ông Phạm Viết H3 155,3m² đất thổ cư và 85,9m² đất vườn trị giá 192.802.500 đồng, vị trí phía Đông Bắc giáp đất bà Đ2 dài 21,31m; phía Tây Nam giáp đất ông Dương dài 22,33m; phía Đông Nam giáp đất ông Hanh dài 8,96m, giáp đất ông Minh dài 5,34; phía Tây Bắc giáp đường dài 10,25m. Chia cho Phạm Thị Đ2 62,13 m² đất thổ cư trị giá 74.556.000 đồng, vị trí phía Đông Bắc giáp đất ông H1 dài 21,43m; phía Tây Nam giáp đất ông H3 dài 21,31m; phía Đông Nam giáp đất ông Hanh dài 2,91m; phía Tây Bắc giáp đường dài 2,91m.

Toàn bộ diện tích đất ông Phạm Viết Đ1 được hưởng sẽ được chuyển cho anh Phạm Minh Đ3 và chị Ngô Thị P.

(Có sơ đồ kèm theo).

Ông Phạm Viết H3 phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Phạm Viết Đ1 số tiền 39.118.593 đồng (giá trị tương đương ½ kỷ phần).

Ông Phạm Viết H1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Viết H3 đối với phần diện tích đất vườn là 37m² tương ứng với số tiền 2.775.000 đồng; thanh toán cho bà Phạm Thị Đ2 đối với phần diện tích đất vườn là 49,16m² tương ứng với số tiền 3.687.000 đồng.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3.4. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phạm Minh Đ3 phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0004312 ngày 21/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh ND.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THA dân sự tỉnh Nam Định;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Hồng Sơn